

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/DS-ST

Ngày: 07- 10 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Phạm Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên -Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-DS, ngày 12 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Trụ sở chính: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Văn Tấn Ph - chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần K- phòng giao dịch V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền số 180/UQ-PGDVT ngày 22/3/2019).

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn G, sinh năm 1974.

Bà Hồ Kim T, sinh năm 1979 (vợ ông G).

Cùng trú tại ấp B, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (ông G, bà Tươi vắng

mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Kim S (Môt), sinh năm 1978.

Bà Trần Thị Bé B, sinh năm 1978 (vợ ông S).

Cùng trú tại ấp B, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang (ông S, bà Bé B có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2018 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/4/2013 vợ chồng ông Bùi Văn G và bà Hồ Kim T (sau đây gọi tắt là ông G, bà Tươi) ký hợp đồng tín dụng số NL 0609.02/HĐTD vay của Ngân hàng thương mại cổ phần K(sau đây gọi tắt là Ngân hàng Kiên Long) số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), mục đích vay trồng mía; thời hạn vay 24 tháng (đến 25/4/2015 là hết hạn); lãi suất 1.40%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn.

Hình thức thanh toán lãi trả 6 tháng/lần và gốc trả cuối kỳ, theo phụ kiện HĐTD số NL0609.02/PKHĐTD.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 40.287,50 m², thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 269, 275, 285, giấy chứng nhận QSD đất số BD 638322 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho ông Bùi Văn G ngày 05/4/2012, tọa lạc tại ấp Minh Thượng B, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Hợp đồng thế chấp được UBND xã Minh Thuận chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký QSD đất huyện U Minh Thượng theo quy định pháp luật.

Từ khi vay đến nay vợ chồng ông G, bà Tươi liên tục vi phạm hợp đồng không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Kiên Long. Tính đến ngày 01/10/2019 vợ chồng ông G, bà Tươi còn nợ Ngân hàng Kiên Long tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, lãi trong hạn là 37.810.033 đồng, lãi quá hạn là 118.753.650 đồng, phạt chậm trả là 71.961.843 đồng. Tổng cộng là 348.525.526 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Văn Tấn Ph xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi phạt, chỉ yêu cầu vợ chồng ông G, bà Tươi trả nợ gốc 120.000.000 đồng, lãi trong hạn là 37.810.033 đồng, lãi quá hạn là 118.753.650 đồng.

Bị đơn ông Bùi Văn G trình bày:

Ông G thừa nhận năm 2013 có vay của Ngân hàng Kiên Long số tiền 120.000.000 đồng, trong đó phần của ông G là 50.000.000 đồng, vay giùm cho ông Nguyễn Hồng Dân (sau đây gọi tắt là ông Dân) là 70.000.000 đồng. Lý do ông G vay giùm cho ông Dân vì trong 04 héc ta đất thế chấp cho Ngân hàng Kiên Long có 2,3 héc ta đất là của ông Dân. Năm 2014 ông Dân làm giấy chuyển nhượng 2,3 héc ta đất cho vợ chồng ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị Bé B (sau đây gọi tắt là ông S, bà Bé B) và bỏ địa phương đi đến nay. Nay ông G chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng Kiên Long số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và lãi, còn lại 70.000.000 đồng và lãi ông Dân và ông S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Kiên Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị Bé B trình bày:

Năm 2012 ông Nguyễn Hồng Dân cõ cho ông S phần đất có diện tích ngang 24 mét, dài 1000 mét, tọa lạc tại ấp Minh Thượng B, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang với giá 45 chỉ vàng 24k, thời hạn cõ đất là 06 năm. Đến ngày 22/6/2012 ông Dân làm giấy chuyển nhượng lại cho ông S phần đất trên với giá 90 chỉ vàng 24k (phần đất này nằm trong giấy chứng nhận QSD đất do ông G đứng tên đang thế chấp cho Ngân hàng). Việc vay nợ là do ông G đứng ra vay của Ngân hàng Kiên Long và chia tiền lại cho ông Dân, vợ chồng ông S, bà Bé B không có liên quan.

Ông S, bà Bé B không có yêu cầu gì trong vụ án này và không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Hồng Dân. Phần đất nhận chuyển nhượng của ông Dân, vợ chồng ông S, bà Bé B đang quản lý sử dụng. Khi nào Ngân hàng Kiên Long phát mãi tài sản để thu hồi nợ, ông S sẽ đứng ra thỏa thuận với Ngân hàng Kiên Long để giải quyết các vấn đề liên quan đến phần đất ông S đang quản lý.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Hồ sơ tín dụng của ông Bùi Văn G, Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 52/UQ-NHKL ngày 16/01/2018, Giấy ủy quyền tham gia tố tụng số 180/UQ-PGDVT ngày 22/3/2019, bản kê tính lãi đến ngày 01/10/2019.

Bị đơn cung cấp: 02 Giấy viết tay (không ghi ngày tháng năm) có nội dung ông G vay tiền và chia cho ông Dân 70.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim S cung cấp: Tờ chuyển nhượng đất ngày 22/6/2012 (phô tô), Giấy cầm cõ đất ngày 17/5/2012 (phô tô), Đơn xin vắng mặt ngày 19/6/2019 của ông Nguyễn Kim S và bà Trần Thị Bé B

Tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai ông Bùi Văn G ngày

14/6/2018 và ngày 17/7/2018, Biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Kim S ngày 17/7/2018, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2018.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông G, bà Tươi chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Kiên Long số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng. Về phần lãi phạt, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử do nguyên đơn rút yêu cầu phần lãi phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Kiên Long với vợ chồng ông Bùi Văn G và bà Hồ Kim T, giấy chứng nhận QSD đất do ông Bùi Văn G đứng tên, hợp đồng vay do vợ chồng ông G, bà Tươi ký tên. Theo ông G trình bày trong số nợ 120.000.000 đồng có 70.000.000 đồng là vay giùm cho ông Dân. Trong phần đất do ông G đứng tên thế chấp cho Ngân hàng Kiên Long có 2,3 héc ta đất là của ông Dân nhưng hiện tại phần đất này ông Dân đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông S, bà Bé B.

Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 22/3/2019 bị đơn ông Bùi Văn G trình bày không có yêu cầu gì đối với ông Nguyễn Hồng Dân vì hiện tại ông G cũng không biết ông Dân đang ở đâu.

Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim S trình bày không có liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng vay giữa Ngân hàng Kiên Long với ông G. Phần đất nhận chuyển nhượng của ông Dân, vợ chồng ông S đang quản lý sử dụng. Nếu sau này Ngân hàng có phát mãi tài sản để thu hồi nợ ông S sẽ đứng ra thỏa thuận với Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan đến phần đất ông S đang quản lý.

Về phía Ngân hàng Kiên Long cũng không có yêu cầu gì đối với ông Dân vì cho rằng vợ chồng ông G, bà Tươi là người vay chứ không phải ông Dân.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện tại ông Dân không còn ở địa phương, đồng thời các đương sự cũng không có yêu cầu gì đối với ông Dân nên Tòa án không đưa ông Dân vào tham gia tố tụng.

Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Bùi Văn G và bà Hồ Kim T

được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông G và bà Tươi cũng không có yêu cầu phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim S, bà Trần Thị Bé B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng Kiên Long với bị đơn ông Bùi Văn G, bà Hồ Kim T là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Cụ thể Ngân hàng Kiên Long yêu cầu vợ chồng ông G, bà Tươi trả tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/10/2019 là 276.563.683 đồng.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Văn G thừa nhận ngày 25/4/2013 vợ chồng ông G bà Tươi có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng Kiên Long số tiền gốc là 120.000.000 đồng, trong đó phần của ông G là 50.000.000 đồng, vay giùm cho ông Dân là 70.000.000 đồng, đến nay chưa trả gốc và lãi.

Xét việc vợ chồng ông G, bà Tươi ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng Kiên Long nhưng đến hạn không thanh toán nợ gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 và tại khoản 2 Điều 8 trong hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Kiên Long với vợ chồng ông G, bà Tươi. Do đó, việc Ngân hàng Kiên Long khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông G, bà Tươi trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Về trách nhiệm trả nợ: Theo ông G trình bày, trong số nợ 120.000.000 đồng, phần của ông G là 50.000.000 đồng, vay giùm cho ông Dân là 70.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng Kiên Long số tiền 50.000.000 đồng gốc và lãi, còn 70.000.000 đồng gốc và lãi thì ông Dân và ông S phải có trách nhiệm trả. Xét lời trình bày của ông G, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng ông G, bà Tươi là người ký tên trong hợp đồng vay và nhận tiền. Việc ông G chia tiền lại cho ông Dân là do hai bên tự thỏa thuận, nên vợ chồng ông G, bà Tươi phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Kiên Long theo hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Văn Tấn Ph xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu vợ chồng ông G, bà Tươi trả nợ gốc và lãi (trong hạn và quá hạn), không yêu cầu tính lãi phạt. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với hướng dẫn

tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi phạt.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng ông G, bà Tươi có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Kiên Long số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 01/10/2019) trong hạn là 37.810.033 đồng, lãi quá hạn là 118.753.650 đồng, tổng cộng là 276.563.683 đồng.

Đối với số tiền ông G vay và chia lại cho ông Dân nếu có phát sinh tranh chấp các bên có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về tài sản đảm bảo: Là quyền sử dụng đất có diện tích 40.287,5m² do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho ông Bùi Văn G ngày 05/4/2012.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2018 ông G trình bày năm 2003 ông G và ông Nguyễn Văn Hùng (anh em bạn rể với ông G) hùn vàng mua lại 40 công đất của ông Nguyễn Văn Bình, trong đó phần của ông G là 17 công, phần của ông Hùng là 23 công. Thời điểm này Nhà nước chưa cho tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Hùng để cho ông G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Hùng canh tác được 01 năm thì sang lại cho ông Hồ Văn Ái (ở U Minh – Cà Mau), sau đó ông Ái sang nhượng lại cho ông Nguyễn Hồng Dân 23 công đất nói trên, nên trong phần đất ông G đứng tên có 23 công đất là của ông Dân. Vì vậy ông G mới vay và chia lại cho ông Dân 70.000.000 đồng. Đến năm 2014 thì ông Dân làm giấy sang nhượng lại cho ông S 23 công đất nói trên.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì phần đất ông G đang quản lý có chiều ngang mặt tiền 17,5 mét, chiều ngang sau hậu 17 mét, chiều dài phần đất 967,25 mét. Trên đất có căn nhà của ông G xây dựng năm 2017, diện tích ngang 4,5 x dài 15 mét, xung quanh xây tường, mái lợp tol. Diện tích còn lại ông G trồng lúa và hoa màu.

Riêng phần đất ông S đang quản lý (nằm trong giấy chứng nhận QSD đất do ông G đứng tên) có chiều ngang mặt tiền là 21,7 mét, chiều ngang sau hậu 21,5 mét, chiều dài 994,57 mét, hiện ông S đang trồng hoa màu.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, Tòa án đã giải thích cho các đương sự về việc định giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nhưng các đương sự đều không yêu cầu Tòa án định giá tài sản. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2018 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ ngày 22/3/2019 ông G trình bày: Nếu Chi cục thi hành án dân sự có kê biên phát mãi tài sản đảm bảo để trả nợ cho Ngân hàng thì ông G sẽ giao phần đất ngoài hậu (giáp kênh thủy lợi) cho Chi cục thi hành án bán phát mãi, không dính tới căn nhà và hoa màu của ông G. Nếu có dính tới căn nhà và cây trồng trên đất ông G cam kết sẽ tự di dời để giao đất kê biên phát mãi, do đó không yêu cầu định giá tài sản.

Tại các biên bản hòa giải và lấy lời khai của Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Kim S trình bày không có yêu cầu gì trong vụ án này, nếu Ngân hàng có phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ ông S sẽ thỏa thuận với Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan đến phần đất ông S đang quản lý, không yêu cầu định giá tài sản.

Qua xem xét nội dung hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Kiên Long với vợ chồng ông G, bà Tươi, Hội đồng đồng xét xử nhận thấy, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 40.287,5m² do ông Bùi Văn G đứng tên, không đề cập đến tài sản gắn liền với đất, các bên cũng không có thỏa thuận khác. Hiện tại trên phần đất thế chấp cho Ngân hàng Kiên Long có căn nhà của vợ chồng ông G.

Tại mục 3, khoản 19, Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“Trường hợp chỉ thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản gắn liền với đất được xử lý đồng thời với quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”* (tại khoản 1 Điều 325 Bộ luật dân sự 2015 cũng quy định tương tự).

Nhận thấy, hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Kiên Long với vợ chồng ông G, bà Tươi được UBND xã Minh Thuận chứng thực và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký QSD đất huyện U Minh Thượng. Do đó, nếu vợ chồng ông G, bà Tươi không trả dứt nợ thì Ngân hàng Kiên Long có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên bán phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất có diện tích 40.287,5m² do ông Bùi Văn G đứng tên để thu hồi nợ (bao gồm cả phần đất vợ chồng ông S, bà Bé B đang quản lý). Trường hợp vợ chồng ông G, bà Tươi, vợ chồng ông S, bà Bé B không di dời tài sản, hoa màu gắn liền trên đất để giao đất cho cơ quan có thẩm quyền kê biên bán phát mãi thì tài sản, hoa màu gắn liền trên đất được xử lý đồng thời với quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dân với ông S:

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không có yêu cầu gì liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Dân với ông S. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về chi phí đo vẽ: Là 3.981.000 đồng, nguyên đơn Ngân hàng Kiên Long đã nộp thanh toán xong, nên vợ chồng ông G, bà Tươi phải có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Kiên Long số tiền trên.

[3]. **Về án phí:** Vợ chồng ông G, bà Tươi phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 276.563.683 đồng $\times$ 5% = 13.828.000 đồng (mười ba triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng Kiên Long (người đại diện theo ủy quyền ông Văn Tấn Ph) được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0006808 ngày 01/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 342, 471, 474, 476, 715, khoản 2 Điều 719, Điều 721 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; mục 3, khoản 19, Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí; Điều 91, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Kiên Long (người đại diện hợp pháp là ông Văn Tấn Ph) đối với bị đơn ông Bùi Văn G, bà Hồ Kim T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc vợ chồng ông Bùi Văn G, bà Hồ Kim T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Kiên Long số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/10/2019 là 276.563.683 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 120.000.000 đồng, lãi trong hạn 37.810.033 đồng, lãi quá hạn là 118.753.650 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng ông G, bà Tươi còn phải trả cho Ngân hàng Kiên Long tiền lãi quá hạn gốc (theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng) từ ngày 02/10/2019 cho đến khi tất toán xong nợ.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng Kiên Long mà vợ chồng ông G, bà Tươi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Kiên Long có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên bán phát mãi tài sản đảm là quyền sử dụng đất có diện tích 40.287,5m², thửa số 269, 275, 285, tờ bản đồ số 23, nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số BD 638322 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho ông Bùi Văn G ngày 05/4/2012, tọa lạc tại ấp Minh Thượng B, xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (bao gồm cả phần đất vợ chồng ông S, bà Bé B đang quản lý sử dụng theo tờ trích đo địa chính số TĐ 342-2018 ngày 01/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng).

Nếu vợ chồng ông G, bà Tươi không tự nguyện di dời tài sản (căn nhà), cây trồng, hoa màu gắn liền trên đất thì Ngân hàng Kiên Long có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên xử lý toàn bộ tài sản, cây trồng, hoa màu gắn liền trên đất khi phát mãi tài sản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Vợ chồng ông S, bà Bé B có trách nhiệm thu hoạch toàn bộ cây trồng, hoa màu trên phần đất do mình quản lý (theo tờ trích đo địa chính số TĐ 342-2018 ngày 01/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh Thượng) để giao đất cho cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi. Nếu vợ chồng ông S, bà Bé B không tự nguyện thu hoạch, thì cây trồng, hoa màu trên đất của vợ chồng ông S, bà Bé B sẽ được lý xử đồng thời với quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản gắn liền trên đất (bao gồm công trình xây dựng, cây trồng, hoa màu) sẽ được trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

4. Sau khi vợ chồng ông G, bà Tươi tắt toán xong nợ, Ngân hàng Kiên Long (phòng giao dịch Vĩnh Thuận) có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông G, bà Tươi 01 bản chính giấy chứng nhận QSD đất số BD 638322 do UBND huyện U Minh Thượng cấp cho ông Bùi Văn G ngày 05/4/2012 (trừ trường hợp tài sản đảm bảo bị phát mãi).

5. Về chi phí đo vẽ: Vợ chồng ông G, bà Tươi có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng Kiên Long (phòng Giao dịch Vĩnh Thuận) số tiền là 3.981.000 đồng (ba triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông G, bà Tươi phải chịu tiền án phí là 13.828.000 đồng (mười ba triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng Kiên Long được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 7.000.000 đồng

(bảy triệu đồng) theo biên lai thu số 0006808 ngày 01/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh